

## YẾU TỐ VĂN HÓA TRONG KỊCH BẢN VĂN HỌC LƯU QUANG VŨ

Lê Thị Minh Hiền

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: minhhiendhkh@gmail.com

### TÓM TẮT

*Văn hóa là một phạm trù rất rộng, biểu hiện của nó trong văn học cũng rất đa dạng, phong phú. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung nêu lên những bình diện văn hóa cơ bản, một trong những yếu tố tạo nên thành công và sức sống lâu bền cho kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, đó là: Hệ thống ngôi nhân xưng, tên gọi phong phú, dân dã; Sử dụng các thể loại văn học dân gian; Biểu hiện văn hóa qua các quan niệm nhân sinh và Những góc độ văn hóa dân tộc đa dạng khác.*

*Từ khóa: kịch bản văn học, Lưu Quang Vũ, yếu tố, văn hóa.*

Văn hóa với văn học vốn đã có sự gắn kết sâu sắc và không thể chia tách. Văn học là sự tự ý thức văn hóa. Văn học chẳng những là một bộ phận của văn hóa, chịu sự chi phối, ảnh hưởng trực tiếp của văn hóa mà còn là một trong những phương tiện tồn tại và bảo lưu văn hóa. Văn học chịu ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường văn hóa thời đại và truyền thống văn hóa độc đáo của một dân tộc, đồng thời thể hiện cả nội hàm tâm lý văn hóa độc đáo của một thời đại và một cộng đồng dân tộc. Cùng với hệ thống giá trị văn hóa là những mô thức văn hóa riêng của một cộng đồng dân tộc, văn học đã tự giác tiếp nhận và thể hiện những giá trị và mô thức mà cả cộng đồng tôn trọng và tuân thủ.

Mặt khác, nhà văn – chủ thể sáng tác phải là con đẻ của một cộng đồng, thuộc về một cộng đồng nhất định, dù muốn hay không cũng tiếp nhận những thành tố văn hóa của cộng đồng mình, những lối tư duy, những mô thức ứng xử, trong đó chứa đựng nội hàm văn hóa tâm lý riêng của thời đại và giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, dân tộc. Vì vậy, nhà văn dù sáng tạo đề tài gì, viết ra hay nói ra vấn đề gì, thì cũng vẫn thể hiện cảm thức văn hóa và những kết cấu tâm lý văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Văn hóa được thể hiện trong các tác phẩm văn học một cách đa dạng, phong phú như chính nó. Vậy nên, khi đi vào nghiên cứu các khía cạnh văn hóa trong một số kịch bản văn học của tác giả Lưu Quang Vũ, chúng tôi tập trung đi sâu vào những khía cạnh nổi trội, mang tính chất biểu trưng được thể hiện qua các tín hiệu thẩm mỹ, kết cấu bề mặt cũng như kết cấu bề sâu của các kịch bản văn học.

## 1. HỆ THỐNG NGÔI NHÂN XUNG, TÊN GỌI PHONG PHÚ, DÂN DÃ

Có thể nói, tác phẩm văn học nói chung và kịch bản văn học nói riêng là sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ. Từ ngữ tham gia vào trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn học với nhiều đặc điểm về nguồn gốc, ngữ nghĩa, phong cách, chức năng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc phong phú và đa dạng. Cũng như các tác phẩm văn học khác, thế giới nhân vật trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ khá đa dạng, nhiều chủ đề như là một bức tranh xã hội thu nhỏ với đủ các đặc điểm về giới tính (nam, nữ), thành phần xuất thân (bộ đội, công nhân, trí thức,...), cương vị xã hội, thái độ, đạo đức, các quan hệ xã hội... với thời gian và không gian được miêu tả, trần thuật mang tính bao quát, rộng lớn.

Xung hô là một tập quán và là một biểu hiện mang tính đặc trưng của văn hóa ứng xử của một cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Qua cách xưng hô, người ta có thể nhận biết thái độ, tình cảm, quan hệ của những người trong cuộc đối thoại. Trong giao tiếp nói chung, giao tiếp bằng tiếng Việt nói riêng, người ta huy động một số lượng khá lớn các từ để xưng hô trong giao tiếp hàng ngày, điều này thể hiện nét đặc trưng văn hóa riêng của dân tộc ta. Khác với các ngôn ngữ khác trên thế giới, như tiếng Anh chỉ sử dụng I – You trong xưng hô giao tiếp, thì ngược lại, lối xưng hô của người Việt lại rất phức tạp, đa dạng và phong phú. Điều này có thể nhận thấy rõ trong hệ thống kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, các nhân vật sử dụng lối xưng hô rất đa dạng. Chẳng hạn như trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, để chỉ nhân vật Hồn Trương Ba trong các mối quan hệ khác nhau với các nhân vật trong kịch bản văn học này, ứng với các mối quan hệ có các cách xưng hô khác nhau. Có thể liệt kê ra như sau: Hồn Trương Ba với vợ: tôi – bà; với con trai: thầy – anh; với con dâu: thầy – con; với bé Gái: ông – cháu, với Đố Thích: tôi – ông; với vợ anh hàng thịt: tôi – chị; với bác Trường Hoạch: tôi – bác... Ngoài ra, trong nhiều kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, các nhân vật thường gắn với mỗi trách nhiệm và quyền lợi của mình trong mỗi quan hệ cá nhân và xã hội. Họ có tên gọi riêng và cũng là tên gọi của nhân vật, đó là: Anh công nhân, Bà trưởng phòng tài vụ, Trưởng phòng tổ chức lao động, Người khách hàng, Sĩ quan công an, Bộ trưởng... trong *Tôi và chúng ta*. Một số cách xưng hô khác như là Một người bán thuốc, Người hành khách, Một nhân viên phòng thuế,... trong *Điều không thể mất*. Có thể nói, khác với ngôn ngữ nhiều nước trên thế giới, ngôn ngữ Việt Nam rất đa dạng và phong phú trong hệ thống ngôi xưng và gọi đáp, điều này đã được Lưu Quang Vũ vận dụng tối đa trong kịch bản văn học của mình. Chính điều ấy cũng góp phần tạo nên sự gần gũi cho kịch bản của ông với người tiếp nhận, làm cho cuộc đối thoại giữa các nhân vật trong kịch trở nên gần gũi như cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh hệ thống ngôi nhân xưng, trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ còn chứa đựng những tên gọi của các nhân vật mang đậm bản sắc văn hóa gọi tên của dân tộc. Các tên gọi ấy đa phần đều mang đặc trưng quê mùa, dân dã như: cụ Gòi trong *Những ngày đang sống*; ông Quých, bà Bộng trong *Tôi và chúng ta*; lão Chạp trong *Đôi dòng sữa mẹ*; bé Diêm trong *Muối mặn đời em*; cái Gái trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt*; bé Nha trong *Lời nói dối cuối cùng*... đã hé mở cho người xem về một kiểu nhân vật, một loại tính cách của những người dân chỉ biết sống thẳng ngay, hồn hậu, trung thực và chứa chan tình người. Ngoài ra, tên nhân

vật còn được gọi theo chức vụ, theo công việc hoặc theo thể trạng hay những đặc điểm, thậm chí là những khuyết tật của cơ thể như: Ông già gác nghia trang trong vở *Tôi và chúng ta*; Lý trưởng trong vở *Hồn Trương Ba da hàng thịt*; anh thanh niên bị lác mắt trong vở *Nguồn sáng trong đời*; anh gầy, chị béo, người chồng say rượu trong vở *Hoa cúc xanh trên đầm lầy*; anh Vĩ Nhân trong vở *Quyền được hạnh phúc*....

Ngay cái tên đã nói lên hết nét tính cách hay đặc điểm của mỗi nhân vật đó. Ông Cau Có thì đúng là lúc nào cũng tỏ ra cau có với người khác. Khi các nhân viên của ủy ban đặc biệt tới kiểm tra ở nhà ga để bắt hai người máy bỏ trốn thì ông ta đã tỏ ra rất khó chịu “Sao lại phải kiểm tra? Lắm chuyện, chúng tôi có buôn lậu đâu” [3,265], “Thật không hiểu ra sao! Chỉ vẽ sự gây phiền hà. Kiểu này lại để kiểm chác đây mà” [3,266]. Ông ta còn bực mình nên quay sang dọa bà Sợ Sệt: “Cứ đòi đi thăm họ hàng nữa đi! Bây giờ xộc vào đây thì... Nó bóp cổ cho bà lè lưỡi ra” [3,267]. Còn bà Sợ Sệt thì lúc nào cũng tưởng tượng ra những điều luôn khiến mình bất an, lúc nào cũng hoảng sợ đứng như tên gọi của bà. Khi ở trong nhà ga, bà luôn lo lắng sợ mất cái ví: “Họ bảo ở ga là dễ mất cắp lắm... Tôi sợ là... Đông người quá, mà trông là toàn người gian cả” [3,262]. Rồi khi nghe có hai người máy trốn thoát thì bà ta đã rất sợ hãi “Sợ thật! Nó có gây nguy hiểm không, có... có cướp bóc không”, “khiếp quá! Tôi không còn hồn vía nào” [3,267]. Chị Béo – cái tên làm người ta nghĩ ngay đến đặc điểm là ăn nhiều như anh Gầy đã nói “em là... cái máy ăn” [3,264]. Còn anh Gầy thì hình dáng như cái que. Đây là những nhân vật thuần nhất theo tên gọi và thể hiện rất rõ đặc trưng đặt tên của người Việt.

## 2. SỬ DỤNG CÁC THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN (THÀNH NGŨ, TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA)

Một nét đặc sắc khác trong hệ thống kịch bản văn học của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ đó chính là việc sử dụng một hệ thống ngôn ngữ riêng, vừa tự nhiên, vừa gọn, và mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc. Điều đó được minh chứng bằng việc sử dụng những kinh nghiệm nhìn nhận, quan sát, đánh giá về con người cũng như các hiện tượng tự nhiên của người xưa thông qua các câu tục ngữ và ngữ cố định; đồng thời tăng chất thơ cho kịch bản văn học bằng các câu ca dao, dân ca.

Khảo sát kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, chúng tôi nhận thấy rằng trong hầu hết các vở kịch của ông đều sử dụng dù ít hay nhiều các câu tục ngữ, hay cụm ngữ cố định. Chẳng hạn như: “kết cỏ ngâm vành” [4,137], “phương phi quốc thước” trong *Ông vua hóa hổ*; “chó cụp tai, mèo trụi lông” [4,149], “bóp hầu bóp họng” [4,150], “vật đổi sao dời” [4,152], “nâng khăn sửa túi” [4,154], “trăm nghe không bằng một thấy” [4,157], “bầm gan tím ruột” [4,186], “lá ngọc cành vàng” [4,186], “đũa mốc mà chôi mâm son” [4,189], “thân gái dặm trường” [4,195] trong *Ngọc Hân công chúa*; “giao gì làm nấy” [4,230], “khôn ba năm đại một giờ” [4,230], “nhẹ dạ cả tin” [4,246], “cháy lây vạ thành” [4,296], “sự thật mất lòng” [4,308], “quan dân dân khổ” [4,309] trong *Tôi và chúng ta*, “bút sa gà chết” trong *Điều không thể mất*, “rứt rề như rắn môi” trong *Bệnh sĩ*... Tất cả đều có vai trò làm tăng sức lập luận, độ tin cậy cho lời nói của nhân vật trong

kịch bản. Bên cạnh đó, có thể thấy rất rõ rằng, Lưu Quang Vũ còn tặng chất thơ cho kịch bản văn học của mình bằng các câu thơ, mà chủ yếu là các bài ca dao, dân ca hay các bài thơ thuộc thể thơ lục bát – thể thơ đặc trưng của văn học dân gian Việt nam. Chẳng hạn các bài thơ trong *Ngọc Hân công chúa* đều thuộc thể lục bát: “Việc đời việc nước khó sao / Gặp nhau buổi ấy phải đâu chuyện tình / Hai ta hai ngả cách ngăn / Muốn yêu xã tắc nên anh lấy nàng / Mỗi duyên xa lạ ngõ ngang / Nước non gánh nặng chứa chan lệ sầu” [4,165]. Hay là đoạn đối đáp bằng lời ca, tiếng hát giữa Sâm và Mai đã cho thấy thêm một nét văn hóa đặc sắc trong văn hóa dân gian của người Việt nữa, đó là hát giao duyên. Sâm: “Hát nhé! (Hắng giọng, một điệu hò Bình Định) Thuốc ngon Bình Định / Giấy quynh Sa Huỳnh / Ai xa thì mặc họ, hai đứa mình nỏ xa!... Đến lượt Mai: (hát)- Sông Tô nước chảy quanh co / Cầu Đông sương sớm, quán Giò trắng khuya / Buồn tình vừa lúc phân chia / Tiếng ai như đã bên kia hẹn hò. Tiếng Sâm: (hát) – Anh mắc mối tơ, anh qươ mối chi / Thấy em thùy mị, anh thương hủi nhớ hoài / Anh ở Đàng Trong, em ở Đàng Ngoài” [4,172].

### **3. NHỮNG GÓC ĐỘ VĂN HÓA DÂN TỘC ĐA DẠNG TRONG KỊCH BẢN VĂN HỌC LƯU QUANG VŨ**

Văn học là tấm gương phản ánh văn hóa của mỗi dân tộc, trong đó có văn hóa giao tiếp. Giao tiếp là một nhu cầu tất yếu của con người. Mỗi dân tộc đều có những đặc trưng riêng trong văn hóa giao tiếp. Với người Việt, các đặc trưng trong văn hóa giao tiếp bao gồm: vừa thích giao tiếp lại vừa rất rụt rè; trọng tình nghĩa; quen ưa tìm hiểu, quan sát, đánh giá bề ngoài; thể hiện tính cộng đồng cao; ưa sự tế nhị, ý tứ và trọng sự hòa thuận.

Có thể nói rằng, kịch bản văn học là thể loại văn học thể hiện rõ nhất những đặc trưng về văn hóa giao tiếp, bởi đây là thể loại khai thác tối đa việc đối thoại giữa các nhân vật. Kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ cũng chứa đựng những đặc trưng ấy qua lời thoại của các nhân vật và kể cả trong phần chú thích, hướng dẫn của tác giả đối với nhân vật (diễn viên).

- Ưu quan sát, đánh giá vẻ bề ngoài của người khác cũng là một trong những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam. Trong vở *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, khi nhân vật Đế Thích xuất hiện với “bộ quần áo nón mê”, bà Vợ Trương Ba đã nghĩ Đế Thích là một lão ăn mày: “- Vợ Trương Ba: Lại thần thánh gì nữa! Các ông đúng là cứ như sống trong mơ ấy! Thế cái lão ăn mày lúc này đâu rồi? / - Trường Hoạch: Bà ơi, nói năng cho cẩn thận, có biết ai đây không? Không phải lão ăn mày, mà là... ấy chết! (Vội đưa tay tự bịt mồm) /- Trương Ba: Không nhìn hình vóc bên ngoài mà xét đoán người được! Từ nay, bà phải nhớ điều đó!” [4,22].

- Tính cộng đồng là một trong những đặc trưng rõ nét trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam. Tính cộng đồng là hệ quả của nét văn hóa làng xã và nền văn minh nông nghiệp lúa nước lâu đời của Việt Nam. Đặc trưng đó được thể hiện rất rõ trong văn hóa giao tiếp của người Việt. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, tính cộng đồng giao tiếp được thể hiện qua việc nhân vật kịch bản của ông được đặt vào trong môi trường sống nhất định, và nhân vật ấy

cùng với lập trường của mình có tiếng nói bảo vệ cho tập thể mà mình thuộc về hay mình ủng hộ. Chẳng hạn như trong vở *Ngọc Hân công chúa*, việc phân biệt Đảng Trong với Đảng Ngoài được thể hiện qua lời thoại của các nhân vật. Chẳng hạn: “Một anh lính: Các cô ấy hát, chẳng lẽ mình cứ im? Sâm, cậu hát lý, hò khoan, bài chòi đều giỏi, cất giọng đi, cho các cô ấy biết mặt giai Bình Định, Phú Yên!” [4,172] Hay: “Các anh lính: Các cô gái Thăng Long thấy trai Đảng Trong chúng tôi hát có được không hề?/ Một cô gái: Được! Phả cái hơi rề rề, bởi hút nhiều thuốc rề Bình Định quá!” [4,172]. Không chỉ thể hiện tính cộng đồng về mặt không gian địa lí, kịch bản văn học Lưu Quang Vũ còn thể hiện tính cộng đồng trong văn hóa giao tiếp ở cả cách nghĩ và lối sống. Trong vở kịch *Tôi và chúng ta*, tiếng nói của các nhân vật cũng là tiếng nói của tập thể, dù đó là những con người thuộc phe bảo thủ, hay là những người đi theo cái mới.

- Trong giao tiếp, người Việt Nam luôn thích sự tế nhị, trọng sự hòa thuận. Đây cũng là một trong những hệ quả của tính cộng đồng trong văn hóa Việt. Bởi vậy, người ta luôn phải “uốn lưỡi” trước khi nói, và ngay cả khi không vừa lòng hay có ý mỉa mai, người ta vẫn dùng cách nói ý nhị nhưng lại đạt hiệu quả cao. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, sự ý nhị cũng được thể hiện thông qua đối thoại giữa các nhân vật kịch. Trong kịch bản văn học của mình, Lưu Quang Vũ lựa chọn sự hài hước, dí dỏm để dẫn dắt, xây dựng và phát triển tình huống kịch.

Sự hài hước, dí dỏm không chỉ giúp phản ánh vấn đề, hiện tượng được nói tới mà còn toát lên sự thông minh, nét duyên dáng và đáng yêu của nhân vật. Nhân vật ông Quých trong *Tôi và chúng ta* được khắc họa sống động bằng ngôn ngữ dí dỏm, vì thế mà để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Qua chi tiết ông Quých nói với nhân vật Bộ trưởng, ta thấy rõ được điều đó: “Ông Quých: Dạ thưa bác đến thế nào được. Vẫn biết các bác là đầy tớ của nhân dân, nhưng đến nhà các ông đầy tớ... khó lắm. / Bộ trưởng: Sao lại khó? Không phải khẩu hiệu suông đâu mà là sự thật: Các bác là chủ xí nghiệp này, chủ đất nước này, các bác phải phát huy thật tốt quyền làm chủ của mình, còn nếu như ông bộ trưởng nào vi phạm quyền làm chủ thiêng liêng ấy của người lao động, dứt khoát phải bị cách chức. Tôi xin đảm bảo với bác điều đó. / Ông Quých: Vâng, vậy thì tôi xin nói ạ. Thưa bác, “quan đàn dân khổ” mà nếu quan không đàn thì quan lại khổ” [4,309].

Đoạn đối thoại trên chứng tỏ cho sự thẳng thắn của nhân vật Ông Quých, nhưng mặt khác lại cho thấy sự tinh tế, khôn khéo và ý nhị của người công nhân này. Vấn đề là qua đây, ý nghĩa diễn ngôn được chuyển tải đến người đọc, người xem một cách nhẹ nhàng mà thâm thúy. Trong *Lời thề thứ chín*, sự dí dỏm, hài hước cũng được Lưu Quang Vũ tạo dựng thành công thông qua đối thoại giữa các nhân vật. Đặc biệt là trong đoạn đối thoại giữa bốn người lính trẻ khi buộc tên Tuần khai những tội ác của mình vào giấy “Đôn: Viết đi! Biết chữ quốc ngữ chứ? “Tôi Quách Văn Tuần thú nhận rằng mình có những tội lỗi sau đây: Tôi là một tên cường hào ác bá mới làm hoen ố bức tranh nông thôn đáng lẽ tươi đẹp vô cùng...”... “lợi dụng sự sơ hở của Đảng và nhân dân, tôi đã chiếm lấy quyền chức để hoành hành phá hoại, đàn áp đất nước và ăn hóc cho căng cái bụng thối của tôi ra...” [5,273].

Có thể khẳng định ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật mang đậm dấu ấn văn hóa giao tiếp của người Việt Nam, là một trong những yếu tố làm nên thành công trong việc khắc họa nhân vật kịch của Lưu Quang Vũ, làm nên phong cách và sức sống của kịch Lưu Quang Vũ.

- Ẩm thực cũng là một trong những nét văn hóa đặc sắc của người Việt. Trong kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, ẩm thực chỉ xuất hiện như một nét điểm xuyết trong một số kịch bản của ông, nhưng lại mang nặng dấu ấn văn hóa truyền thống của người Việt. Ẩm thực đã vượt khỏi tầm vật chất mà trở thành yếu tố văn hóa, một mảng văn hóa đậm đà, duyên dáng và cốt cách. Không đề cập sâu về ẩm thực như Thạch Lam, Vũ Bằng hay Nguyễn Tuân..., trong một số vở kịch của mình, Lưu Quang Vũ đã lồng ghép vào lời thoại của nhân vật kịch những món ăn mang đặc trưng văn hóa ẩm thực của từng vùng quê miền kinh Bắc nói riêng và văn hóa ẩm thực Việt Nam nói chung. Chẳng hạn như trong vở *Ngọc Hân công chúa*, xuất hiện các hình ảnh: “chén rượu, bát cơm – miếng trầu, cốc nước” hay “bánh đúc chấm tương” [4,161], “nước chè nụ ướp hoa sen Hồ Tây” [4,177], “rượu hoa cúc Kinh Bắc” [4,195]; đó còn là hình ảnh của những “xôi chè, bánh trôi” [4,229] trong *Tôi và chúng ta*; bún ốc, nước vối trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt*. ...

- Một đặc điểm nữa thuộc về văn hóa dân tộc được Lưu Quang Vũ xây dựng trong kịch bản văn học của mình, đó chính là nền văn minh nông nghiệp lúa nước lâu đời. Điều đó thể hiện trước hết ở không gian bối cảnh nơi xảy ra các tình huống kịch. Đa phần đó đều là không gian làng quê Việt, dù là đề tài lịch sử, hiện tại hay ở những vở kịch có xu hướng dự báo tương lai, thì kịch bản Lưu Quang Vũ đều xây dựng những không gian gắn bó với làng quê Việt. Đó là những không gian không chỉ mang tầm vóc là nền tảng của hiện thực, mà đó còn là những không gian mang tính văn hóa, biểu trưng. Trong vở *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, nhân vật Trương Ba là hiện thân của một người nông dân hiền hậu, chất phác. Không gian mà nhân vật sinh sống, thể hiện những phẩm chất đáng quý trọng của mình và cũng là không gian xảy ra xung đột xung quanh mối quan hệ giữa hồn và xác trong vở kịch cũng gắn liền với hoàn cảnh làng quê Việt Nam thời trước. Đó là ngôi nhà với vườn cây, ao cá, là xóm làng và trên hết đó là không gian của lòng người, của tình người chất phác, đôn hậu.

Trong vở *Điều không thể mất*, hình ảnh con sông, bãi dâu nơi chị Nhâm trở về sau khi chiến tranh kết thúc cùng với niềm tin sẽ đoàn tụ với Minh như lời hẹn ước: “Dù mọi sự đổi thay, dù bất cứ giá nào, sẽ tìm gặp lại Nhâm mai này... sẽ có nhau mãi mãi. Nếu lạc tin nhau thì ngày hòa bình, cứ chờ Minh ở quê Nhâm, Minh sẽ tìm đến” [4,335]. Hình ảnh nền văn minh nông nghiệp còn được thể hiện ở những cánh đồng hoa cúc bạt ngàn trong vở *Ngọc Hân công chúa*; những bãi cỏ xanh mướt trong vở *Ông vua hóa hổ* mà ba người Thảo, Minh Không và Từ Đạo Hạnh gắn bó hay những con sông, những ruộng lúa trong vở hài kịch *Bệnh sĩ*.

Một góc độ văn hóa không thể không kể đến hay nói một cách khác, đóng một vai trò quan trọng trong việc thể hiện văn hóa người Việt với hàng ngàn năm dựng nước, đó chính là truyền thống yêu nước. Trong hầu hết các vở kịch của Lưu Quang Vũ, dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp đều truyền tải thông điệp về truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Dù viết về

đề tài lịch sử hay đương đại, thì kịch bản văn học Lưu Quang Vũ đều phản ánh rõ rệt tinh thần yêu nước bao gồm giữ nước, xây dựng và phát triển đất nước. Kịch bản Lưu Quang Vũ xuất phát từ hiện thực rất đặc biệt của Việt Nam, nhưng ông luôn tìm thấy trong đó sự bao quát tư tưởng, sự tiếp cận với các vấn đề của hiện thực vừa có ý nghĩa thời sự, vừa có giá trị lâu dài. Trong kịch của ông có mối liên hệ giữa tính thời sự và tính lịch sử, đồng thời cũng thấm thấu những ý tưởng khái quát cuộc đời và con người nói chung – một trong số đó chính là truyền thống yêu nước.

#### 4. BIỂU HIỆN VĂN HÓA QUA CÁC QUAN NIỆM NHÂN SINH

Kịch bản văn học Lưu Quang Vũ có sức sống rất bền lâu bởi nó luôn hàm chứa tính xã hội nhân sinh sâu sắc, chất chứa những giá trị nhân văn, khẳng định niềm tin vào cuộc sống, chia sẻ những tình cảm yêu thương chân thành, tình yêu quê hương đất nước cũng như đánh thức tâm hồn con người về sự vị tha và bao dung trong cuộc sống. Có thể gói gọn những quan niệm nhân sinh trong kịch bản Lưu Quang Vũ trên hai phương diện cơ bản: 1/ mối quan hệ giữa *hồn và xác* và 2/ mối quan hệ giữa *đạo và đời*.

- Quan niệm về mối quan hệ giữa *hồn và xác*:

GS. Phan Ngọc từng nhận xét về cái biệt tài, tinh tế trong sáng tác kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ, đó là biết “nêu lên cái muôn đời trong cái bình thường, biến cố tích, huyền thoại thành chuyện thời sự, dùng cái hư để nói cái thực, dùng cái thô lỗ để khẳng định cái cao quý” [2,46]. *Hồn Trương Ba da hàng thịt* với tuyên ngôn bất hủ “Tôi muốn được là tôi toàn vẹn” [4,69] chính là câu chuyện triết học như thế. Nó mang nhiều chiều kích triết học như nhân sinh - xã hội, bản thể - siêu hình. Lưu Quang Vũ đặt ra vấn đề muôn đời của tồn tại bằng thái độ khách quan. Một mặt không thể phủ nhận sự phụ thuộc trong mối quan hệ của xác thịt tầm thường với tâm hồn cao khiết. Mặt khác, ông không quên khẳng định giá trị cao quý nhất của con người nằm ở cái bên trong, cái sâu thẳm của tâm hồn. *Hồn Trương Ba da hàng thịt* đủ lớn để trở thành một “đanh thiếp” văn hóa (hai lần đi lưu diễn và tham gia các liên hoan sân khấu quốc tế tại Liên Xô và Mỹ) nhưng cũng đủ gắn bó, thân thuộc, nằm lòng trong trái tim của nhiều độc giả cho đến hôm nay. Đỉnh cao của tư tưởng triết lí trong vở kịch là đối thoại giữa linh hồn và thể xác. Thể xác cũng có tính độc lập tương đối, có tiếng nói riêng, có nhu cầu tự nhiên hợp lí, không thể bỏ qua. Nhưng, linh hồn phải kiểm soát những nhu cầu đó, phải điều chỉnh, thăng hoa “Người” hóa, văn hóa hóa những nhu cầu ấy. Con người nói chung phải biết kiềm hãm, tiết chế những nhu cầu bản năng và nếu cần, phải biết đè nén, biết hi sinh nó. Cuộc đấu tranh giữa linh hồn và thể xác thực sự là một cuộc đấu tranh trong bản thân con người để làm chủ những nhu cầu và ham muốn, nhất là khi bị hoàn cảnh tác động. Ở đây, cuộc đấu tranh này cũng cảnh báo khả năng lấn át của thể xác – tức là của những nhu cầu tầm thường – đối với linh hồn – tức là đối với khát vọng sống cao khiết. Từ sự lí giải lại một cách biện chứng về sự quan hệ giữa thể xác và linh hồn, triết lí nhân sinh của thời đại, Lưu Quang Vũ đã đi đến một quan niệm sống đẹp: Sống chân thật, mình phải là chính mình, cả linh hồn và thể xác, sống vì mọi người, vì

hạnh phúc và sự tốt đẹp của con người. Bi kịch xung đột giữa linh hồn và thể xác được giải quyết theo cái cách đã tạo ra bi kịch. Đến đây, cái “chết hẳn” của Trương Ba lại thể hiện một chiến thắng thuyết phục của “tồn tại – người”, của nhân cách, của khát vọng hoàn thiện nhân cách của con người. Từ triết lí đơn giản trong truyện cổ dân gian về vai trò quan trọng thứ nhất của linh hồn, Lưu Quang Vũ đã sáng tạo nên một vở kịch có sức lôi cuốn mạnh mẽ, gửi tới người đọc một thông điệp sâu sắc về triết lí sống: thể xác và linh hồn có mối quan hệ hữu cơ với nhau; con người không thể chỉ sống bằng thể xác, mà phải luôn đấu tranh với bản thân để có sự thống nhất hài hòa giữa thể xác và linh hồn, hướng tới một lối sống cao thượng, vươn tới một nhân cách hoàn thiện.

- Quan niệm về mối quan hệ giữa *đạo* và *đời*:

Trong kịch Lưu Quang Vũ, Phật giáo vẫn là tôn giáo được đề cập đến nhiều nhất. Quan niệm “đời là bể khổ” được Lưu Quang Vũ phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa đời và đạo trong văn hóa Việt Nam.

Trong vở kịch lịch sử *Ông vua hóa hổ*, qua cuộc đời và số phận của các nhân vật chính mà cụ thể hơn là cuộc đời của nhân vật Minh Không, với những cách ứng xử, với những câu nói của họ, người đọc có thể hiểu được những điều đơn giản, thông thường như đạo Phật là gì, và cả những điều cao xa như hai chữ *tùy duyên*, như mối quan hệ giữa từ bi và sát sinh trong ý nghĩ thường trực của Phật tử. Nhưng trên hết, bộc lộ rõ nhất và có ý nghĩa nhất trên hết là mối quan hệ giữa “đạo” – mà cụ thể là đạo Phật với “đời”- cuộc sống xung quanh. Thông qua cuộc đối thoại giữa nhân vật Thảo và Minh Không, Lưu Quang Vũ đã cho thấy mối quan hệ hữu cơ, thống nhất và không thể tách rời giữa “đạo” và “đời”: “Làm người một mình ư? Để cho ai? Để làm gì? Và có thực mãi mãi lánh xa tất cả được không? Có làm người thực sự được không, nếu đứng đứng với mọi niềm đau khổ?” [4,134]. Cuộc hội ngộ giữa hai nhân vật Thảo và Minh Không chính là cuộc giằng co giữa “đạo” và “đời” trong Minh Không. Minh Không, con người vốn tự cho rằng mình với thế sự ngoài khu rừng mình đang tu hành là “không còn gì chung nữa” [4,133], bởi chàng “Ghê sợ bể khổ, bể dữ của kiếp người, ta đi tìm sự bình an tâm trí” [4,133] nhưng khi xã tắc gặp loạn thì việc ra tay giúp đời đã thắng suy nghĩ tự mình được “thực làm người”. Minh Không quyết định “Ra khỏi rừng này... tới nơi ta cần đến... Có lẽ cũng giống như Ất, mười hai năm ta lánh ẩn góc rừng sâu, vẫn không dứt được mọi lo toan trần thế... Cõi đời lại gọi ta. Lần này thì không thể chối từ, cõi đời ghê gớm... cõi đời đã cho ta hơi thở và trí nhớ... Phải đi thôi Ất ạ” [4,135]. Và tình bạn, tình yêu và hơn hết là chính nghĩa đã thắng, Minh Không lại trở về trần thế và cứu người bạn năm xưa, cũng là cứu đất nước, cứu nhân dân. Như vậy, “đạo” và “đời” trong Minh Không là không thể tách rời mà là gắn bó hữu cơ. Nhân vật Minh Không cùng với sự giằng xé nội tâm của mình cũng là biểu trưng, là lời nhắn gửi của Lưu Quang Vũ và cũng là truyền thống văn hóa quý báu của nhân dân ta. Trong bao cuộc chiến tranh giữ nước và trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhân dân ta không phân biệt dân tộc, tôn giáo đã cùng nhau làm nên bao chiến thắng vẻ vang của dân tộc.



Có thể nói văn hóa là một phạm trù rất rộng, và biểu hiện của nó trong văn học cũng rất đa dạng phong phú. Ở bài viết này, chúng tôi nghiên cứu bình diện yếu tố văn hóa không nhằm mục đích và cũng không có tham vọng chỉ ra được hết những yếu tố thuộc về văn hóa trong văn học, cụ thể là trong kịch bản văn học Lưu Quang Vũ mà chỉ chú tâm đến những nét văn hóa cơ bản góp phần làm nên đặc sắc và đặc trưng, nhưng cũng là nét truyền thống trong kịch bản văn học Lưu Quang Vũ – một trong những yếu tố tạo nên thành công và sức sống lâu bền cho kịch bản văn học của kịch tác gia tài năng này. Chúng tôi cho rằng, văn hóa trong kịch bản văn học Lưu Quang Vũ, như ông nói, không gì khác chính là “Văn hiến- đó là những gì sâu kín làm nên mỗi tâm hồn” [4,179].

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lý Hoài Thu, Lưu Khánh Thơ (tuyển chọn) (2007). *Lưu Quang Vũ về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. GS Phan Ngọc (1996). Kịch pháp Lưu Quang Vũ, Tạp chí *Tia sáng*, số 5.
- [3]. Lưu Quang Vũ (1994). *Tuyển tập kịch*, NXB Sân khấu, Hà Nội.
- [4]. Nhiều tác giả (1987). *Đợi đến mùa xuân*, NXB Sân khấu, Hà Nội.
- [5]. Lưu Quang Vũ (2013). *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [6]. Lưu Quang Vũ (2003). *Lưu Quang Vũ – Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB Sân khấu, Hà Nội.
- [7]. Lý Hoài Thu (2006). “Lưu Quang Vũ và chặng đường kịch nói Việt Nam cuối thế kỉ XX”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Hà Nội, số 8.

## CULTURAL FACTORS IN LUU QUANG VU'S LITERARY PLAYS

**Le Thi Minh Hien**

*Department of Literature and Linguistics, Hue University Colleges of Sciences*

*Email: minhhiendhkh@gmail.com*

### **ABSTRACT**

*Culture is a very broad category, its expression in literature are diverse and abundant. In this article, we research the basic cultural factors in Luu Quang Vu's literary plays. They are one of the factors to make his plays more successful and rememberable, such as the popular and personal pronouns; use of the folk literature; cultural expression through the human conceptions and the views of diverse national culture.*

**Keywords:** *Culture, factors, literary plays, Luu Quang Vu.*